

## Chi tiết thủ tục hành chính

**1. Mã thủ tục:** 1.014818

**Số quyết định:** 179/QĐ-BCT

**Tên thủ tục:** Cấp điều chỉnh Giấy xác nhận ưu đãi thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

**Cấp thực hiện:** Cấp Tỉnh

**Loại thủ tục:** TTHC được luật giao quy định chi tiết

**Lĩnh vực:** công nghiệp hỗ trợ

**Trình tự thực hiện:**

a) Trong trường hợp có sự thay đổi về nội dung thông tin trên Giấy xác nhận ưu đãi, các doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 10 Điều 1 (khoản 2 Điều 11a sửa đổi, bổ sung) Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công (nếu có) tới cơ quan có thẩm quyền đã cấp Giấy xác nhận ưu đãi.

b) Căn cứ hồ sơ điều chỉnh Giấy xác nhận ưu đãi của doanh nghiệp, cơ quan có thẩm quyền tiến hành kiểm tra hồ sơ trong vòng 05 ngày làm việc. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại khoản 10 Điều 1 (khoản 2 Điều 11a sửa đổi, bổ sung) Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ, cơ quan có thẩm quyền gửi văn bản đề nghị doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

c) Sau thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nếu doanh nghiệp đề nghị xác nhận ưu đãi không thực hiện việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc bổ sung không đầy đủ, hợp lệ thì cơ quan có thẩm quyền dừng việc xử lý hồ sơ.

d) Sau khi doanh nghiệp nộp đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền tiến hành thẩm định hồ sơ. Trường hợp cần làm rõ thông tin được cung cấp trong hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền tiến hành kiểm tra thực tế tại cơ sở hoặc có văn bản yêu cầu giải trình thông tin của hồ sơ.

đ) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, các giải trình thông tin hồ sơ của doanh nghiệp và kết quả kiểm tra thực tế (nếu có) đạt yêu cầu, Cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo kết quả điều chỉnh Giấy xác nhận ưu đãi cho doanh nghiệp. Mẫu Văn bản điều chỉnh Giấy xác nhận ưu đãi quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 65/2025/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ Công Thương.

**Cách thức thực hiện:**

		Phí, lệ phí	Mô tả

Hình thức nộp	Thời hạn giải quyết		
Trực tiếp	15 Ngày		15 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.
Trực tuyến	15 Ngày		15 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.
Dịch vụ bưu chính	15 Ngày		15 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

### Thành phần hồ sơ:

#### Bao gồm

Tên giấy tờ	Mẫu đơn, tờ khai	Số lượng
Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy xác nhận ưu đãi (theo Mẫu số 05 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ);	Mus01.docx Mus02.docx	Bản chính: 1 Bản sao: 0
Bản chính hoặc bản sao Giấy tờ, tài liệu liên quan làm căn cứ chứng minh điều chỉnh Giấy xác nhận ưu đãi.		Bản chính: 1 Bản sao: 0

**Đối tượng thực hiện:** Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)

**Cơ quan thực hiện:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

**Cơ quan có thẩm quyền:** Không có thông tin

**Địa chỉ tiếp nhận HS:** Không có thông tin

**Cơ quan được ủy quyền:** Không có thông tin

**Cơ quan phối hợp:** Không có thông tin

**Kết quả thực hiện:** Văn bản điều chỉnh Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa

**Căn cứ pháp lý:**

Số ký hiệu	Trích yếu	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành
205/2025/NĐ-CP	Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ	14-07-2025	
65/2025/TT-BCT	Thông tư số 65/2025/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP về phát triển công nghiệp hỗ trợ.	31-12-2025	

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện:** Giấy xác nhận ưu đãi được điều chỉnh trong trường hợp có sự thay đổi về nội dung thông tin trên Giấy xác nhận ưu đãi.

**Từ khóa:** Không có thông tin

**Mô tả:** Không có thông tin

**2. Mã thủ tục:** 1.014820

**Số quyết định:** 179/QĐ-BCT

**Tên thủ tục:** Cấp lại Giấy xác nhận ưu đãi thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

**Cấp thực hiện:** Cấp Tỉnh

**Loại thủ tục:** TTHC được luật giao quy định chi tiết

**Lĩnh vực:** công nghiệp hỗ trợ

**Trình tự thực hiện:**

a) Trong trường hợp Giấy xác nhận ưu đãi bị mất hoặc bị hỏng, doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 10 Điều 1 (khoản 1 Điều 11d sửa đổi, bổ sung) Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác tới cơ quan có thẩm quyền đã cấp Giấy xác nhận ưu đãi;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện theo đúng quy định;

c) Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét cấp lại Giấy xác nhận ưu đãi. Trường hợp không cấp lại Giấy xác nhận ưu đãi, cơ quan có thẩm quyền trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Cách thức thực hiện:**

Hình thức nộp	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí	Mô tả
Trực tiếp	2,5 Ngày làm việc		2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.
Trực tuyến	2,5 Ngày làm việc		2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.
Dịch vụ bưu chính	2,5 Ngày làm việc		2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

**Thành phần hồ sơ:**

**Bao gồm**

Tên giấy tờ	Mẫu đơn, tờ khai	Số lượng
Văn bản đề nghị cấp lại Giấy xác nhận ưu đãi (theo Mẫu số 06 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ);	Mus02.docx1.docx	Bản chính: 1 Bản sao: 0

**Đối tượng thực hiện:** Doanh nghiệp

**Cơ quan thực hiện:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

**Cơ quan có thẩm quyền:** Không có thông tin

**Địa chỉ tiếp nhận HS:** Không có thông tin

**Cơ quan được ủy quyền:** Không có thông tin

**Cơ quan phối hợp:** Không có thông tin

**Kết quả thực hiện:** Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa

**Căn cứ pháp lý:**

Số ký hiệu	Trích yếu	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành
205/2025/NĐ-CP	Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ	14-07-2025	
65/2025/TT-BCT	Thông tư số 65/2025/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP về phát triển công nghiệp hỗ trợ.	31-12-2025	

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện:** Trong trường hợp Giấy xác nhận ưu đãi bị mất hoặc bị hỏng.

**Từ khóa:** Không có thông tin

**Mô tả:** Không có thông tin

**3. Mã thủ tục:** 1.001158

**Số quyết định:** 179/QĐ-BCT

**Tên thủ tục:** Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa

**Cấp thực hiện:** Cấp Tỉnh

**Loại thủ tục:** TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết

**Lĩnh vực:** công nghiệp hỗ trợ

**Trình tự thực hiện:**



- Doanh nghiệp nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ, bao gồm 01 bản chính và 01 bản sao điện tử bằng ngôn ngữ Tiếng Việt. Tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch thuật, công chứng. Bên ngoài hồ sơ ghi đầy đủ các thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký xác nhận ưu đãi.
- Căn cứ hồ sơ đề nghị xác nhận ưu đãi của doanh nghiệp, trong vòng 05 ngày làm việc cơ quan có thẩm quyền tiến hành kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ theo quy định khoản 9 Điều 1 Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản đề nghị doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.
- Sau thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của cơ quan có thẩm quyền, nếu doanh nghiệp đề nghị xác nhận ưu đãi không thực hiện việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc bổ sung không đầy đủ, hợp lệ thì cơ quan có thẩm quyền dừng việc xử lý hồ sơ. - Sau khi doanh nghiệp nộp đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền tiến hành thẩm định hồ sơ. Trường hợp cần làm rõ thông tin được cung cấp trong hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền tiến hành kiểm tra thực tế tại cơ sở hoặc có văn bản yêu cầu giải trình thông tin của hồ sơ.
- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, các giải trình thông tin hồ sơ của doanh nghiệp và kết quả kiểm tra thực tế (nếu có) đạt yêu cầu, Cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp Giấy xác nhận ưu đãi cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ phức tạp, cần thêm thời gian để thẩm định, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi có thể gia hạn nhưng tối đa không quá 45 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Việc gia hạn phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho doanh nghiệp đề nghị xác nhận ưu đãi. Mẫu Giấy xác nhận ưu đãi được quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

**Cách thức thực hiện:**

Hình thức nộp	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí	Mô tả
Trực tiếp	15 Ngày		15 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ phức tạp, cần thêm thời gian để thẩm định, có thể gia hạn nhưng tối đa không quá 45 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.
	15 Ngày		

Trực tuyến			15 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ phức tạp, cần thêm thời gian để thẩm định, có thể gia hạn nhưng tối đa không quá 45 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.
Dịch vụ bưu chính	15 Ngày		15 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ phức tạp, cần thêm thời gian để thẩm định, có thể gia hạn nhưng tối đa không quá 45 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

### Thành phần hồ sơ:

#### Bao gồm

Tên giấy tờ	Mẫu đơn, tờ khai	Số lượng
+Văn bản đề nghị xác nhận ưu đãi (theo Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ);	QuytnhcoognbtiNghnhs205.docx	Bản chính: 1 Bản sao: 0
+Thuyết minh chi tiết về dự án (theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ);	thuytminh.docx	Bản chính: 1 Bản sao: 0
+Thuyết minh chi tiết về sản phẩm của dự án (theo Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ);	thuytminh.docx2.docx	Bản chính: 1 Bản sao: 0
+Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu và các lần		Bản chính: 0

điều chỉnh (trừ trường hợp không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư);		Bản sao: 1
+Bản sao thủ tục pháp lý của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng bao gồm: Giấy phép xây dựng; Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng;		Bản chính: 0 Bản sao: 1
+Bản sao thủ tục pháp lý của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về môi trường bao gồm: Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tương đương; Đăng ký môi trường hoặc Giấy phép môi trường (trường hợp chưa có Giấy phép môi trường thì cung cấp giấy phép môi trường thành phần đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt) và các giấy tờ liên quan khác (nếu có);		Bản chính: 0 Bản sao: 1
+Bản sao Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh Châu Âu (các tiêu chuẩn do Ủy ban tiêu chuẩn hóa Châu Âu CEN - European Committee for Standardization ban hành) hoặc tương đương nếu sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển trong nước tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;		Bản chính: 0 Bản sao: 1
+Bản sao Hợp đồng với 01 doanh nghiệp nhỏ và vừa là doanh nghiệp sản xuất về việc mua nguyên liệu, vật liệu hoặc linh kiện, phụ tùng chính để sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ xác nhận ưu đãi. Hợp đồng còn giá trị hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị xác nhận ưu đãi;		Bản chính: 0 Bản sao: 1

+Bộ chứng từ gắn nhất trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị xác nhận ưu đãi liên quan đến xuất khẩu, mua bán sản phẩm công nghiệp hỗ trợ xác nhận ưu đãi (Tờ khai Hải quan xuất khẩu hoặc chứng từ thay thế tờ khai hải quan theo quy định, hóa đơn thương mại hoặc chứng từ khác có liên quan chứng minh mã hàng hóa của sản phẩm).		Bản chính: 1 Bản sao: 0
--	--	-------------------------------

**Đối tượng thực hiện:** Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

**Cơ quan thực hiện:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

**Cơ quan có thẩm quyền:** Không có thông tin

**Địa chỉ tiếp nhận HS:** Không có thông tin

**Cơ quan được ủy quyền:** Không có thông tin

**Cơ quan phối hợp:** Không có thông tin

**Kết quả thực hiện:** Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa

**Căn cứ pháp lý:**

Số ký hiệu	Trích yếu	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành
111/2015/NĐ-CP	NGHỊ ĐỊNH Về phát triển công nghiệp hỗ trợ	03-11-2015	Chính phủ
55/2015/TT-BCT	THÔNG TƯ Quy định trình tự, thủ tục xác nhận ưu đãi và hậu kiểm ưu đãi đối với Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển	30-12-2015	Bộ Công thương
nghị định 146/2025	Nghị định số 146/2025/NĐ-CP	12-06-2025	
205/2025/NĐ-CP	Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của	14-07-2025	

	Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ		
65/2025/TT-BCT	Thông tư số 65/2025/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP về phát triển công nghiệp hỗ trợ.	31-12-2025	

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện:** Dự án được xem xét xác nhận hưởng ưu đãi khi đáp ứng các điều kiện sau: - Sản phẩm của Dự án thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển tại Phụ lục I hoặc Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này phải có Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh Châu Âu (các tiêu chuẩn do Ủy ban tiêu chuẩn hóa Châu Âu CEN - European Committee for Standardization ban hành) hoặc tương đương; - Dây chuyền công nghệ, hệ thống máy móc, thiết bị của dự án phù hợp để sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ nhằm nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm. Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trải qua các công đoạn sản xuất phù hợp với thiết kế của dây chuyền công nghệ và quy trình sản xuất bao gồm các công đoạn (cơ khí, điện hóa, hóa, nhiệt điện,...) của dự án đảm bảo có sự biến đổi vật lý hoặc cơ học từ nguyên liệu, vật liệu, các chất liệu khác nhau để tạo thành sản phẩm; - Dự án đủ điều kiện đi vào hoạt động sản xuất; - Dự án có ít nhất 01 doanh nghiệp nhỏ và vừa là doanh nghiệp sản xuất và cung ứng nguyên liệu, vật liệu hoặc linh kiện, phụ tùng chính để phục vụ sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ đề nghị xác nhận ưu đãi.

**Từ khóa:** công nghiệp nặng

**Mô tả:** Không có thông tin